

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 7 năm 2024
V/v “tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh A tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Cao D, sinh năm 1989,
ĐKHKT: khu 6, xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh A.

- Bị đơn: Chị Phạm Như Q, sinh năm 1992,
ĐKHKT: khu 6, xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh A.
Hiện nay đang ở nước ngoài.

(Anh D có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Cao D trình bày: anh D và chị Phạm Như Q tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 01/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh A. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Năm 2017 chị Q đi lao động tại nước ngoài (Đài Loan), từ đó đến nay giữa vợ chồng anh chị thường

xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Như Q.

Về con chung: anh Nguyễn Cao D xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh C, sinh ngày 18/10/2012. Khi ly hôn anh D đề nghị Tòa án giao cháu C cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: anh Nguyễn Cao D tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Cao D đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

Anh Nguyễn Cao D trình bày hiện nay anh không biết địa chỉ cụ thể của chị Q ở nước ngoài nên anh không thể cung cấp địa chỉ của chị Q cho Tòa án được. Anh D đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của chị Q ở nước ngoài thông qua bố mẹ đẻ của chị Q là ông Phạm Văn h và bà Dương Thị V.

Thân nhân của chị Phạm Như Q - ông Phạm Văn h và bà Dương Thị V trình bày: ông bà là bố mẹ đẻ của chị Phạm Như Q, chị Q hiện nay đang ở nước ngoài (Đài Loan). Hiện tại ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với chị Q qua điện thoại nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của chị Q ở chỗ nào tại Đài Loan vì chị Q không nói cho ông bà biết. Do vậy ông h và bà Vg không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của chị Q tại Đài Loan cho Tòa án. Ông h và bà Vg cũng đã nhận và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Q được biết. Việc anh D làm đơn xin ly hôn chị Q, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Cao D.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Cao D ly hôn chị Phạm Như Q.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh C - sinh ngày 18/10/2012 cho

anh Nguyễn Cao D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Phạm Như Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Anh Nguyễn Cao D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Cao D nộp đơn xin ly hôn với chị Phạm Như Q tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn anh D trình bày hiện nay chị Q đang sống và làm việc ở nước ngoài. Tại văn bản số: 8362/QLXNC-P3 ngày 24/4/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận: “*Phạm Như Q, sinh ngày 06/01/1992, đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 17/8/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước*”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh A.

Trong vụ án này chị Q không có mặt ở Việt Nam và anh D đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Cao D và chị Phạm Như Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 01/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh A. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng anh chị luôn hòa thuận, yêu thương nhau. Trong thời gian chị Q đi nước ngoài giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Như Q.

Chị Phạm Như Q hiện nay đang ở nước ngoài, anh Nguyễn Cao D chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị Phạm Như Q ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị Q ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của anh D, Tòa án đã xác minh địa chỉ của chị Q ở nước ngoài thông qua bố mẹ đẻ của chị Q là ông Phạm Văn h và bà Dương Thị V.

Bố mẹ đẻ của chị Phạm Như Q - ông Phạm Văn h và bà Dương Thị V cung cấp thông tin như sau: hiện tại ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với chị Q nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của chị Q ở nước ngoài vì chị Q không nói cho ông bà được biết. Do vậy, ông h và bà Vg không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của chị Q cho Tòa án được. Ông h và bà Vg cũng nhất trí nhận thay

chị Q các văn bản tố tụng và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Q biết. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng anh D và chị Q đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống ly thân đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh Nguyễn Cao D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Như Q là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của anh D được chấp nhận.

- Về con chung: hồ sơ vụ án thể hiện trong thời kỳ hôn nhân anh Nguyễn Cao D và chị Phạm Như Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh C, sinh ngày 18/10/2012. Khi ly hôn anh D đề nghị Tòa án giao cháu C cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy hiện nay chị Q đang ở nước ngoài và không có văn bản gì trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của anh D, cháu C hiện đang được anh D chăm sóc trực tiếp. Tại đơn trình bày nguyện vọng của mình cháu C thể hiện có mong muốn được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, để cháu C được phát triển tốt nhất cần giao cháu C cho anh D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với anh D do anh D tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: anh Nguyễn Cao D không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh Nguyễn Cao D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Cao D.

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Cao D được ly hôn với chị Phạm Như Q.

[2] Về con chung: giao cháu Nguyễn Khánh C, sinh ngày 18/10/2012 cho anh Nguyễn Cao D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên.

Chị Phạm Như Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D do anh D tự nguyện không yêu cầu.

Chị Phạm Như Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh Nguyễn Cao D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Cao D đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000292 ngày 04/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh A.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: anh Nguyễn Cao D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của chị Phạm Như Q là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Viết Anh